

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 14-5-2019.

“V/v tranh chấp về hôn nhân
và gia đình - ly hôn, nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hải.
2. Ông Nguyễn Viết Thanh.

- Thư ký phiên tòa:

Ông Nguyễn Văn Vũ Hải - Thư ký Tòa
án nhân dân thành phố Cao Lãnh.

Ngày 14/5/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 71/2019/TLST-HNGĐ ngày 06/3/2019 về việc “*tranh chấp về hôn nhân và gia đình – ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/5/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Nguyễn Ngọc Minh T, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Số A, đường QK, tổ B, ấp C, xã D, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Lê Ngọc N, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Số E, quốc lộ E1, tổ F, khóm G, phường H, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị T và anh N có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Nguyễn Ngọc Minh T trình bày:

Quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Ngọc Minh T và anh Lê Ngọc N chung sống như vợ chồng năm 2001, hôn nhân có tìm hiểu trước 3 – 4 năm, có đăng ký kết hôn ngày 22/10/2004, tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện N (giấy chứng nhận kết hôn số 141, quyển số 01).

Thời gian chung sống, vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Lê Ngọc N thường xuyên uống rượu, say xỉn cả ngày đến khuya về nhà lại còn chửi bới vợ con và đập phá tài sản trong nhà. Chị T đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh N không có thay đổi.

Năm 2012, chị T không chịu nổi tính tình của anh N nên chị T về nhà cha mẹ ruột sống tại địa chỉ: Số A, đường QK, tổ B, ấp C, xã D, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Anh Lê Ngọc N sống tại địa chỉ số E, tổ F, khóm G, quốc lộ E1, phường H, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Dù mỗi người một nơi nhưng vợ chồng vẫn còn liên lạc nhau. Đến tháng 4/2018, chị T và anh N không còn sống chung và không hàn gắn tình cảm được. Nay, chị T yêu cầu được ly hôn với anh Lê Ngọc N.

Con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lê Thanh R, sinh ngày 10/01/2002 và Lê Ngọc Như H, sinh ngày 20/6/2009. Hiện 02 con chung đang sống với chị T. Sau khi ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh Lê Ngọc N cấp dưỡng.

Tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung nhưng vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Lê Ngọc N trình bày:

Quan hệ hôn nhân: Anh N thống nhất lời trình bày của chị T về hôn nhân. Anh N không đồng ý với lời trình bày của chị T về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, anh N cho rằng nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng sống xa nhau từ khoảng năm 2012 nên tình cảm vợ chồng dần phai nhạt, anh N nhận thấy vẫn còn tình cảm với chị T, nay anh N không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T.

Con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lê Thanh R, sinh ngày 10/01/2002 và Lê Ngọc Như H, sinh ngày 20/6/2009. Hiện 02 con chung đang sống với chị T. Sau khi ly hôn, anh N đồng ý giao 02 con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh N không tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung nhưng vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của chị Nguyễn Ngọc Minh T và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn, nuôi con. Bị đơn anh Lê Ngọc N có địa chỉ tại phường H, thành phố Cao Lãnh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Xét quan hệ hôn nhân của chị T và anh N được xác lập vào năm 2001, do hai anh chị tự nguyện và thừa nhận, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện N ngày 22/10/2004 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Trong quá trình sống chung, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Tại phiên tòa hôm nay, chị T cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh N, anh N không đồng ý ly hôn, anh yêu cầu đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy: Năm 2012, anh N mất việc làm nhưng anh không tìm việc làm khác mà ở nhà thường xuyên uống rượu, không quan tâm đến vợ, con, chị T nhiều lần khuyên anh N nhưng anh N không sửa chữa mà còn chửi vợ, chửi con, đập phá tài sản trong gia đình, chị T không chịu nổi nên bỏ về nhà cha mẹ ruột sống nhưng vợ chồng vẫn còn gặp nhau thường xuyên nhằm cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng vẫn không có kết quả, tình trạng hôn nhân ngày càng xấu đi. Từ tháng 4/2018 đến nay, vợ chồng không sống chung, không hàn gắn tình cảm, hai bên không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chị T được ly hôn với anh N.

[3] Xét con chung: Chị T và anh N có 02 con chung tên Lê Thanh R, sinh ngày 10/01/2002 và Lê Ngọc Như H, sinh ngày 20/6/2009, hiện con chung đang sống với chị T. Tại phiên tòa, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu là được tiếp tục nuôi 02 con chung, anh N đồng ý giao hai con chung cho chị T tiếp tục nuôi. Hội đồng xét xử xét thấy sự tự nguyện thỏa thuận của chị T và anh N là phù hợp với quy định pháp luật và cũng phù hợp với nguyện vọng của các cháu R và H nên chấp nhận. Công nhận sự thỏa thuận của chị T và anh N, chị T được tiếp tục nuôi con chung 02 con chung tên Lê Thanh R, sinh ngày 10/01/2002 và Lê Ngọc Như H, sinh ngày 20/6/2009 là phù hợp với Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Xét cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, chị T và anh N thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân gia đình.

[5] Xét tài sản chung: Tại đơn khởi kiện, chị T cho rằng vợ chồng không có tài sản chung nhưng tại phiên tòa hôm nay, chị T và anh N thống nhất vợ chồng có tài sản chung nhưng vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nợ chung: Chị T và anh N thống nhất vợ chồng không có nợ ai và không cho ai nợ nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

[6] Án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Ngọc Minh T, chị Nguyễn Ngọc Minh T được ly hôn với anh Lê Ngọc N.

Con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Nguyễn Ngọc Minh T và anh Lê Ngọc N về việc nuôi con chung, chị Nguyễn Ngọc Minh T được tiếp tục nuôi 02 con chung tên Lê Thanh R, sinh ngày 10/01/2002 và Lê Ngọc Như H, sinh ngày 20/6/2009, hiện con chung đang sống với chị T.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm

nom con của người đó.

Cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

Nợ chung: Không có.

Án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005254 ngày 22/02/2019 của Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, như vậy chị T đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Anh N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- THADS TPCL;
- UBND xã M, huyện N (số 141 ngày 22/10/2004, Quyển 1);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cẩm Trinh